TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BUÔN ĐÔN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:12/2020/HSST Ngày: 13/5/2020	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Sỹ Thành

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sỹ Nghĩa
2. Ông Trần Vĩnh Trung

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/HSST ngày 15 tháng 04 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HS, ngày 27/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Trung K: Sinh ngày 20/10/1960; Nơi sinh: Tỉnh Bình Định;

Nơi cư trú: Thôn 15, xã E, huyện B , tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 11/12.

Con ông: Trần Th, sinh năm: 1934 (Đã chết) và bà Lê Thị S, sinh năm: 1936;

Vợ: Lê Thị T, sinh năm 1971; có 02 con (con lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1992).

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 9/3/2017, Trần Trung K bị Công an huyện B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt vào ngày 21/4/2017.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/01/2020 đến ngày 23/01/2020 được Viện kiểm sát nhân dân huyện B hủy bỏ Quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

2. Võ Văn Kh: Sinh ngày 02/5/1977; Nơi sinh: Tỉnh Bình Định;

Nơi cư trú: Thôn 7, xã E, huyện B , tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12.

Con ông Võ Văn H, sinh năm: 1948 và Đào Thị Ơn, sinh năm: 1953;

Vợ: Trần Thị Thu T, sinh năm 1985 (bị cáo trong cùng vụ án); có 01 con sinh năm 2005

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/01/2020 đến ngày 23/01/2020 được Viện kiểm sát nhân dân huyện B hủy bỏ quyết định tam giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

3. Nguyễn Quang Th: Sinh ngày 25/12/1978; Nơi sinh: Tỉnh Bình Định;

Nơi cư trú: Thôn 15, xã E, huyện B , tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 2/12.

Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1953 và bà Dương Thị Tr, sinh năm: 1954; Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/01/2020 đến ngày 23/01/2020 được Viện kiểm sát nhân dân huyện B hủy bỏ quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

4. Lê Thị Kim S: Sinh ngày 20/4/1981; Nơi sinh: Tỉnh Bình Định;

Nơi cư trú: Thôn 15, xã E, huyện B , tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Lê Kim H và bà Lê Thị B

Chồng: Hồ Phi H1, sinh năm 1986; có 04 con (con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2018).

- Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 9/3/2017 Lê Thị Kim S bị Công an huyện B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, bị cáo chưa chấp hành quyết định xử phạt (hiện đã hết thời hiệu thi hành quyết định này).

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

5. Trần Thị Thu T: Sinh ngày 22/7/1985; Nơi sinh: Tỉnh Bình Định;

Nơi cư trú: Thôn 7, xã E, huyện B , tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12.

Con ông Trần Trung Th1 và bà Phạm Thị Hồng Ng

Chồng: Võ Văn Kh, sinh năm 1977 (là bị cáo trong cùng vụ án); có 01 con sinh năm 2005

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú", hiện tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T1; sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn 15, xã E, huyện B , tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 19/01/2020, Võ Văn Kh, Nguyễn Quang Th, Lê Thị Kim S đến nhà Trần Trung K ở thôn 15 xã E, huyện B , tỉnh Đắk Lắk chơi. Tại đây Kỷ lấy 01

cái chăn và 02 bộ bài tú lơ khơ làm công cụ, cả bọn cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới dạng chơi bài xì tố. Quy ước ban đầu mỗi người bỏ ra số tiền 500.000 đồng (gọi là tiền đậu chớn), khi có người thua hết số tiền này mới lấy thêm tiền để đánh bạc và không được cất số tiền thắng được vào trong người, mỗi ván bạc thì mỗi người đặt ra trước số tiền 20.000 đồng gọi là tiền nước để bắt đầu chia bài, sau mỗi vòng chia bài nếu ai thấy bài của mình có khả năng thắng thì sẽ cược thêm tiền gọi là "tố" để đánh bạc, nếu ai thấy có khả năng thua thì có thể bỏ ván và thua toàn bộ số tiền đã cược, số tiền 'tố" tối đa mỗi ván không được quá 500.000 đồng, người nào thắng sẽ được toàn bộ số tiền mọi người đã cược, cả nhóm thống nhất mỗi ván bài có tổng số tiền thắng trên 300.000 đồng thì người thắng phải trả cho K số tiền 20.000 đồng phí địa điểm (tiền xâu). Trong lúc mọi người đang đánh bạc thì Trần Thị Thu T là vợ của Võ Văn Kh đến nhà bị cáo K để lấy chìa khóa nhà, thấy mọi người đang đánh bạc thì T đã đặt cược theo bài của Th 02 ván với số tiền 40.000 đồng.

Đến 11 giờ 15 phút cùng ngày, khi cả nhóm đang đánh bạc thì bị Công an huyện Buôn Đôn phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 4.260.000 đồng, 02 bộ bài tú lơ khơ, 01 chăn cá nhân; thu giữ trên người Nguyễn Quang Th số tiền 1.500.000 đồng, thu giữ trên người Lê Thị Kim S số tiền 1.070.000 đồng. Tổng số tiền các đối tượng đã sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.830.000đ (trong đó bị cáo K dùng số tiền 1.200.000đ, bị cáo Kh số tiền 700.000đ; bị cáo Th số tiền 2.000.000đ, bị cáo S dùng số tiền 1.570.000đ và bị cáo Th dùng số tiền 40.000đ để đánh bạc)

Bản cáo trạng số 15/CT-VKS, ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Trần Trung K, Võ Văn Kh, Nguyễn Quang Th, Lê Thị Kim S và Trần Thị Thu T về tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Trần Trung K, Võ Văn Kh, Nguyễn Quang Th, Lê Thị Kim S, Trần Thị Thu T thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc do các bị cáo thực hiện và trưa ngày 19/01/2020. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Trung K, Võ Văn Kh, Nguyễn Quang Th, Lê Thị Kim S, Trần Thị Thu T phạm tội ***"Đánh bạc"*** theo qui định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Trần Trung K từ 15 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Th từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1Điều 51; Điều 58; khoản1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Võ Văn Kh từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Giao các bị cáo K, Kh, Th cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B , tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim S từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Lê Thị Kim S, Trần Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B , tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

- Về việc khấu trừ thu nhập của các bị cáo: Thấy rằng các bị cáo S, T đều làm nông và không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đánh bạc với số tiền ăn thua không lớn, mặt khác các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 6.830.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ; 01 chăn vải cá nhân kích thước 170 x 190cm có hoa văn màu sẫm là công cụ các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc do không còn giá trị sử dụng.

+ Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại cho bị cáo Trần Thị Thu T số tiền 4.000.000 đồng đã bị thu giữ nhưng không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Đối với căn phòng được Trần Trung K sử dụng để cho các đối tượng thực hiện hành vi đánh bạc là tài sản chung của Trần Trung K và bà Lê Thị T có giá trị theo định giá là 4.463.585 đồng, bà T1 biết việc K cho các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên đề nghị tịch thu giá trị sử dụng của căn phòng là 4.463.585 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Các bị cáo Trần Trung K, Võ Văn Kh, Nguyễn Quang Th, Lê Thị Kim S, Trần Thị Thu T đều thừa nhận luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng qui định của pháp luật, không oan sai và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình sai trái, ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên toà sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 10 giờ ngày 19/01/2020, tại nhà của Trần Trung K ở thôn 15 xã E, huyện B , tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Trần Trung K, Võ Văn Kh, Nguyễn Quang Th, Lê Thị Kim S cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới dạng chơi bài xì tố. Trong lúc mọi người đang đánh bạc thì Trần Thị Thu T là vợ của Võ Văn Kh đến nhà bị cáo Kỷ để lấy chìa khóa nhà, thấy mọi người đang đánh bạc thì T đã tham gia đánh bạc đặt cược theo bài của Th 02 ván với số tiền 40.000 đồng.

Đến 11 giờ 15 phút cùng ngày, khi cả nhóm đang đánh bạc thì bị Công an huyện B phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 4.260.000 đồng, 02 bộ bài tú lơ khơ, 01 chăn cá nhân; thu giữ trên người Nguyễn Quang Th số tiền 1.500.000 đồng, thu giữ trên người Lê Thị Kim S số tiền 1.070.000 đồng. Tổng số tiền các đối tượng đã sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.830.000đ.

Hành vi do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, được qui định trong Bộ luật Hình sự hiện hành, không những xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều có đủ khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện và hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Xét luận tội của đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện B là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Trần Trung K, Võ Văn Kh, Nguyễn Quang Th, Lê Thị Kim S, Trần Thị Thu T phạm tội: ***"Đánh bạc"*** quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất vụ án thấy rằng đây là vụ án đồng phạm đơn giản, các bị cáo gặp nhau tại nhà bị cáo K rồi cùng nhau đánh bạc, số tiền dùng đánh bạc và mức độ sát phạt

nhau không lớn. Tuy nhiên, mức độ tham gia đánh bạc cũng như nhân thân của các bị cáo khác nhau nên cần phân hóa để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo.

Bị cáo K sử dụng phòng ngủ của gia đình làm địa điểm và chuẩn bị công cụ cho việc đánh bạc và thu tiền xâu 220.000 đồng, hành vi này của bị cáo không phạm tội " tổ chức đánh bạc, hoặc gá bạc" và bị cáo cùng tham gia đánh bạc với số tiền 1.200.000 đồng. Bị cáo Th dùng số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác.Vì vậy hai bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn.

Các bị cáo Kh, S có mức độ tham gia tội phạm như nhau. Đối với bị cáo T mức độ tham gia tội phạm ít hơn nên phải chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.Vì vậy, cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Đối với bị cáo K tại phiên tòa sơ thẩm đã tự nguyện nộp số tiền 4.463.585 đồng là giá trị căn phòng dùng làm địa điểm đánh bạc để sung ngân sách nhà nước. Đối với bị cáo Thuận hiện đang bị bênh HIV giai đoạn 3; bị cáo S có hoàn cảnh khó khăn, hiện đang một mình nuôi 2 con nhỏ sinh đôi (sinh năm 2018). Vì vậy cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với 3 bị cáo này.

[6] Về áp dụng hình phạt:

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo Võ Văn Kh, Nguyễn Quang Th đều có nhân thân tốt, bị cáo Trần Trung K mặc dù đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt và thời gian được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính đã quá 6 tháng, xét tính chất mức độ của tội phạm mới thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo đều có từ 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 1 Điều 51 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Như vậy, đề nghị cho các bị cáo K, Kh, Th được hưởng án treo là có căn cứ, phù hợp với hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Thấy không cần bắt bị cáo này phải chấp hành hình phạt tù mà để các bị cáo tự cải tạo mình ngoài xã hội cũng đảm bảo điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo S đã bị xử phạt vi phạm hành chính vì hành vi đánh bạc, bị cáo chưa chấp hành quyết định xử phạt vì chưa nhận được quyết định xử phạt này và hiện nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt; mặt khác bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chồng bỏ đi đâu không rõ, hiện là lao động chính duy nhất đang nuôi hai con nhỏ sinh đôi (sinh năm 2018). Bị cáo T là người nhất thời phạm tội và mức độ tham gia tội phạm không đáng kể. Vì vậy, xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập đối với 2 bị cáo này là có căn cứ pháp luật và thỏa đáng nên Hội đồng xét xử áp dụng.

[7] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung

Thấy rằng các bị cáo đánh bạc với số tiền cũng như mức độ ăn thua không lớn, các bị cáo đều làm nông và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo là có căn cứ pháp luật và thỏa đáng nên cần chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Đối với số tiền 6.830.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ Đối với vật chứng của vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 02 bộ bài tú lơ khơ; 01 chăn vải cá nhân kích thước 170 x 190cm có hoa văn sẫm màu là công cụ các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nay không còn giá trị sử dụng. Vì vậy cần tịch thu để tiêu hủy.

+ Đối với số tiền đã thu giữ trong người của bị cáo Trần Thị Thu T 4.000.000 đồng, đây là tài sản hợp pháp của vợ chồng bị cáo và bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc.Vì vậy cần chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã trả lại cho bị cáo số tiền này.

+ Đối với căn phòng ngủ của gia đình bị cáo Kỷ được bị cáo sử dụng làm địa điểm đánh bạc là tài sản chung của Trần Trung K và bà Lê Thị T1, bà T1 biết sự việc nhưng không phản đối. Vì vậy, cần tịch thu giá trị căn phòng là 4.463.585 đồng để sung quỹ nhà nước (tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo K đã tự nguyện nộp đủ số tiền này).

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Trung K, Võ Văn Kh, Nguyễn Quang Th, Lê Thị Kim S, Trần Thị Thu T phạm tội ***"Đánh bạc"*** theo qui định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

+Xử phạt bị cáo Trần Trung K 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Th 01(một) năm 03(ba) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách 02(hai) năm 06(sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Văn Kh 01(một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02(hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Trung K, Võ Văn Kh, Nguyễn Quang Th cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B , tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát,

giáo dục bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim S 03(ba) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

Giao các bị cáo Lê Thị Kim S, Trần Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B , tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã E trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Các bị cáo Lê Thị Kim S, Trần Thị Thu T phải thực hiện những nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

- Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo cáo Lê Thị Kim S, Trần Thị Thu T trong thời gian chấp hành hình phạt.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn trả lại cho bị cáo Trần Thị Thu T số tiền 4.000.000 đồng đã thu giữ là tài sản hợp pháp của vợ chồng bị cáo, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 6.830.000đ (sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ; 01 chăn vải cá nhân kích thước 170 x 190cm có hoa văn sẫm màu là công cụ các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc do không còn giá trị sử dụng *(có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/4/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện B).*

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước giá trị căn phòng được Trần Trung K sử dụng đánh bạc là 4.463.585đ (bốn triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng). Bị cáo Trần Trung K đã tự nguyện nộp đủ số tiền này tại phiên tòa sơ thẩm.

3. Về án phí:

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Trần Trung K, Võ Văn Kh, Nguyễn Quang Th, Lê Thị Kim S, Trần Thị Thu T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Sỹ Thành

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- CQCSĐT CA huyện Buôn Đôn;
- P. GĐKT TAND cấp cao Đã Nẵng
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện Buôn Đôn;
- Cơ quan THA.HS huyện Buôn Đôn;
- Lưu HS; VT.